QUỐC HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Nghị quyết số: 48/2026/QH16	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NGHỊ QUYẾT
Về dự toán ngân sách nhà nước năm 2027

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 145/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 90/2025/QH15 và Luật số 135/2025/QH15;

Trên cơ sở xem xét Báo cáo số 919/BC-CP ngày 16 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ; Báo cáo thẩm tra số 1482/BC-UBKTTC16 ngày 17 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban Kinh tế và Tài chính; Báo cáo tiếp thu, giải trình số 1010/BC-CP ngày 08 tháng 11 năm 2026 của Chính phủ và ý kiến đại biểu Quốc hội,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán ngân sách nhà nước năm 2027

1. Tổng số thu ngân sách nhà nước là **3.334.338 tỷ đồng** (ba triệu, ba trăm ba mươi tư nghìn, ba trăm ba mươi tám tỷ đồng). Trong đó: thu ngân sách trung ương là **1.775.593 tỷ đồng** (một triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm chín mươi ba tỷ đồng); thu ngân sách địa phương là **1.558.745 tỷ đồng** (một triệu, năm trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm bốn mươi lăm tỷ đồng).

2. Tổng số chi ngân sách nhà nước là **4.073.935 tỷ đồng** (bốn triệu, không trăm bảy mươi ba nghìn, chín trăm ba mươi lăm tỷ đồng). Trong đó:

Chi ngân sách trung ương là **2.364.411 tỷ đồng** (hai triệu, ba trăm sáu mươi tư nghìn, bốn trăm mười một tỷ đồng), đã bao gồm dự toán **408.747 tỷ đồng** (bốn trăm linh tám nghìn, bảy trăm bốn mươi bảy tỷ đồng) để bổ sung cân đối ngân sách địa phương, dự toán **311.363 tỷ đồng** (ba trăm mười một nghìn, ba trăm sáu mươi ba tỷ đồng) bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương;

Chi ngân sách địa phương là **1.709.524 tỷ đồng** (một triệu, bảy trăm linh chín nghìn, năm trăm hai mươi tư tỷ đồng), không bao gồm chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu, bổ sung cân đối.

3. Mức bội chi ngân sách nhà nước là **739.597 tỷ đồng** (bảy trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm chín mươi bảy tỷ đồng), tương đương **4,5%** tổng sản phẩm trong nước (GDP), gồm:

Bội chi ngân sách trung ương là **588.818 tỷ đồng** (năm trăm tám mươi tám nghìn, tám trăm mười tám tỷ đồng), tương đương **3,6%** GDP;

Bội chi ngân sách địa phương là **150.779 tỷ đồng** (một trăm năm mươi nghìn, bảy trăm bảy mươi chín tỷ đồng), tương đương **0,9%** GDP.

4. Tổng mức vay của ngân sách nhà nước là **1.279.717 tỷ đồng** (một triệu, hai trăm bảy mươi chín nghìn, bảy trăm mười bảy tỷ đồng).

(Kèm theo các phụ lục số I, II, III và IV)

Điều 2. Phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương đối với từng khoản thu quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 36 của Luật Ngân sách nhà nước

1. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương như sau:

Các khoản thu phân chia	Ngân sách trung ương hưởng	Ngân sách địa phương hưởng
a) Thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 36 của Luật Ngân sách nhà nước		
Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh	75%	25%
Thành phố Quảng Ninh, thành phố Đồng Nai	35%	65%
Thành phố Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng	25%	75%
Các tỉnh, thành phố còn lại	20%	80%
b) Thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 36 của Luật Ngân sách nhà nước		
Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh	90%	10%
Thành phố Quảng Ninh, thành phố Đồng Nai	80%	20%
Thành phố Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng	60%	40%
Các tỉnh, thành phố còn lại	50%	50%
c) Thuế bảo vệ môi trường quy định tại điểm d khoản 2 Điều 36 của Luật Ngân sách nhà nước		
Các tỉnh, thành phố	80%	20%

2. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia quy định tại khoản 1 Điều này áp dụng từ năm ngân sách 2027 cho đến khi Quốc hội quyết định điều chỉnh.

3. Đối với các địa phương có dự toán thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp năm 2027 cao hơn dự toán chi ngân sách địa phương năm 2027 xác định theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi ngân sách nhà nước, phần chênh lệch được phân bổ cho chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương (sau khi bố trí dự phòng ngân sách địa phương bảo đảm quy định của Luật Ngân sách nhà nước), ưu tiên sử dụng cho các công trình trọng điểm thuộc Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng hoặc các dự án liên kết vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế.

Điều 3. Về điều hành ngân sách nhà nước năm 2026

1. Chính phủ chỉ đạo các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương điều hành ngân sách nhà nước năm 2026 chặt chẽ, chủ động, linh hoạt; phấn đấu hoàn thành cao nhất nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước; quản lý chi tiết kiệm, hiệu quả; phấn đấu giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công; kiểm soát bội chi, vay và trả nợ trong phạm vi được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Chính phủ bổ sung nguồn cải cách tiền lương của ngân sách trung ương từ số tiết kiệm chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026 của các Bộ, cơ quan trung ương theo quy định tại Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. Đối với số tiết kiệm từ chi thường xuyên của địa phương, cho phép sử dụng để chi các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành năm 2026 (phần kinh phí yêu cầu địa phương bảo đảm), số còn lại dành chi cho các dự án hạ tầng trọng điểm, trường hợp không sử dụng hết trong năm 2026 thì được chuyển nguồn sang năm 2027 để tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ này.

3. Nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2025 dành để xây dựng các trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại các xã biên giới đất liền (bao gồm cả số vốn đã phân bổ nhưng chưa sử dụng hết và số vốn chưa phân bổ) được chuyển sang năm 2027 để tiếp tục thực hiện.

Điều 4. Về thực hiện chính sách tiền lương, chính sách xã hội

1. Bố trí dự toán chi cải cách tiền lương năm 2027 theo đề xuất của Chính phủ tại Báo cáo số 129/BC-CP ngày 16 tháng 10 năm 2026. Chính phủ chỉ đạo sử dụng nguồn tích lũy cho cải cách tiền lương để bảo đảm thực hiện các chế độ tiền lương, phụ cấp, thu nhập, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công và tinh giản biên chế theo quy định.

2. Các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương theo quy định. Tiếp tục loại trừ một số khoản thu khi tính số tăng thu ngân sách địa phương so với dự toán dành để cải cách tiền lương, bao gồm: thu tiền thuê đất được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định;

thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã và thu tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước.

3. Mở rộng phạm vi sử dụng nguồn tích lũy cải cách tiền lương của ngân sách trung ương để điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công và tinh giản biên chế; cho phép sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành và tinh giản biên chế.

4. Kinh phí cải cách tiền lương ngân sách trung ương giao cho các cơ quan, đơn vị hoặc bổ sung cho ngân sách địa phương cuối năm không sử dụng hết (bao gồm cả năm 2026), thực hiện hoàn trả nguồn tích lũy cải cách tiền lương của ngân sách trung ương và không sử dụng cho mục đích khác.

Điều 5. Giao Chính phủ

1. Điều hành chính sách tài khóa chủ động, phối hợp đồng bộ, linh hoạt với chính sách tiền tệ và các chính sách khác, bảo đảm nguồn lực thực hiện các mục tiêu tăng trưởng kinh tế, giữ vững ổn định vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn, ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến động bất thường của chính trị - kinh tế thế giới và trong nước, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, các nhiệm vụ tài chính, ngân sách nhà nước.

Trường hợp kinh tế - xã hội có biến động hoặc ban hành thêm các chính sách tác động tới thu ngân sách nhà nước, việc đánh giá hoàn thành nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước năm 2027 của Trung ương và địa phương theo dự toán điều chỉnh.

2. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật về thuế, chính sách thu bảo đảm minh bạch, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội. Phấn đấu thu ngân sách nhà nước năm 2027 tăng khoảng 9,1% so với thực hiện năm 2026. Quyết liệt thực hiện các giải pháp chống thất thu, chuyển giá, trốn thuế, thu hồi nợ thuế; mở rộng cơ sở thu, nhất là nguồn thu phát sinh từ các giao dịch thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số, khai thác tài nguyên khoáng sản. Thực hiện nghiêm Kết luận số 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số", Nghị quyết số 26/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2026 – 2030, không ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi về thuế cao hơn quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về thu ngân sách nhà nước; không quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, để lại nguồn

thu ngân sách trung ương khác với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Kết luận số 93-KL/TW ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước để bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương và chủ động của ngân sách địa phương, các cơ quan, đơn vị có liên quan, trừ trường hợp theo chủ trương của cấp có thẩm quyền.

3. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong phân bổ, giao dự toán, quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách nhà nước gắn với trách nhiệm người đứng đầu; điều hành chi ngân sách nhà nước theo dự toán, bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật. Ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các Nghị quyết, Kết luận của Đảng đã ban hành; bảo đảm không trùng lặp, phù hợp với năng lực thực hiện, giải ngân và hấp thụ vốn, khả năng cân đối ngân sách nhà nước, bảo đảm an ninh, an toàn tài chính quốc gia. Không ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách nhà nước khi chưa có nguồn thực hiện. Thực hiện đánh giá chính sách chi theo tỷ lệ phần trăm (%) đang áp dụng cho một số ngành, lĩnh vực, báo cáo cấp có thẩm quyền những vấn đề cần điều chỉnh.

4. Chỉ đạo các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương tập trung tổ chức triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị dự án, đẩy nhanh hoàn thiện thủ tục đầu tư, nhất là các dự án trọng điểm, dự án có tác động lan tỏa, bảo đảm triển khai ngay khi kế hoạch đầu tư công năm 2027 được giao. Bố trí vốn tập trung, ưu tiên bố trí vốn cho các dự án đã và đang triển khai thực hiện để sớm hoàn thành, đưa vào sử dụng; đối với dự án khởi công mới, rà soát, đánh giá kỹ khả năng cân đối vốn, nhất là dự án sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất, tránh dàn trải, dở dang; điều chuyển vốn của các dự án chậm tiến độ sang các dự án có khả năng thực hiện và giải ngân nhưng thiếu vốn. Có giải pháp hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị, phê duyệt dự án ODA, xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể cho từng giai đoạn thực hiện.

5. Chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường thanh tra, kiểm tra, đánh giá, giám sát việc triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán ngân sách nhà nước, bảo đảm hiệu quả; xử lý trách nhiệm tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

Trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2027, tiết kiệm ngay khi phân bổ ngân sách từ đầu năm 5% chi đầu tư công để bổ sung cho các dự án trọng điểm, cấp thiết và 10% chi thường xuyên (ngoài tiết kiệm tạo nguồn cải cách tiền lương, các khoản chi lương, có tính chất tiền lương và các khoản chi cho con người) để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội. Cho phép các địa phương sử dụng số tiết kiệm 5% chi đầu tư công nguồn ngân sách địa phương để ưu tiên phân bổ cho các dự án trọng điểm, cấp thiết của địa phương và số tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tăng nguồn chi các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành (phần kinh phí yêu cầu địa phương bảo đảm). Chính phủ hướng dẫn thực hiện nội dung này.

6. Quản lý chặt chẽ bội chi ngân sách nhà nước, bội chi ngân sách địa phương và mức vay nợ của ngân sách địa phương, nghĩa vụ trả nợ của Chính phủ. Tăng cường kiểm tra, thanh tra việc vay, sử dụng vốn vay và trả nợ của các dự án, bao gồm các dự án sử dụng vốn vay nước ngoài, vay có bảo lãnh của Chính phủ; đánh giá, dự báo rủi ro về khả năng vay, khả năng trả nợ để có phương án quản lý, điều hành hiệu quả ngân sách nhà nước; điều hành việc phát hành, mua lại, hoán đổi, thanh toán trái phiếu Chính phủ bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, chi phí tổ chức thực hiện trong phạm vi dự toán chi trả nợ lãi của ngân sách trung ương năm 2027 được Quốc hội quyết định. Điều hành linh hoạt về công cụ, hình thức, kỳ hạn, thời điểm và khối lượng vay trong năm, gắn với công tác quản lý ngân quỹ để góp phần giảm chi phí, giảm áp lực huy động vốn cho ngân sách nhà nước, đáp ứng nhu cầu huy động và dự phòng cho thời điểm thị trường không thuận lợi, bảo đảm an toàn nợ công và thanh khoản của thị trường trái phiếu Chính phủ.

Điều 6. Giám sát và kiểm toán việc thực hiện Nghị quyết

1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

2. Kiểm toán nhà nước, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tiến hành kiểm toán việc thực hiện Nghị quyết này bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XVI, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 09 tháng 11 năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn

Phụ lục I

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2027

(Kèm theo Nghị quyết số 48/2026/QH16 ngày 09 tháng 11 năm 2026 của Quốc hội)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2027
A	B	1
A	**TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN**	**3.334.338**
1	Thu nội địa	2.949.559
2	Thu từ dầu thô	52.000
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	531.000
4	Thu viện trợ	9.067
5	Hoàn thuế giá trị gia tăng	-207.288
B	**TỔNG CHI NSNN**	(1) **4.073.935**
1	Chi đầu tư phát triển	1.755.679
2	Chi dự trữ quốc gia, chi trả nợ lãi, chi viện trợ, chi cho vay	138.493
3	Chi thường xuyên (bao gồm chi cải cách tiền lương)	2.061.313
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	10.100
5	Dự phòng NSNN	108.350
C	**BỘI CHI NSNN**	(2) **739.597**
	(Tỷ lệ bội chi so với GDP)	*4,5%*
1	Bội chi NSTW	588.818
2	Bội chi NSĐP	(3) 150.779
D	**CHI TRẢ NỢ GỐC**	**540.120**
1	Chi trả nợ gốc NSTW	536.010
	- Từ nguồn vay để trả nợ gốc	*536.010*
2	Chi trả nợ gốc NSĐP	4.110
	- Từ nguồn vay để trả nợ gốc	*3.707*
	- Thu NSĐP bố trí trong dự toán NSĐP để trả nợ gốc	*403*
Đ	**TỔNG MỨC VAY CỦA NSNN**	**1.279.717**
1	Vay để bù đắp bội chi	740.000
2	Vay để chi trả nợ gốc	539.717

Ghi chú:

(1) Ngoài ra, 11 địa phương bố trí thu NSĐP để trả nợ gốc là 402,7 tỷ đồng.

(2) Tổng số bội chi NSTW và số bội chi NSĐP của các địa phương có bội chi là 740.000 tỷ đồng.

(3) Là chênh lệch giữa tổng số bội chi của các địa phương có bội chi là 151.182 tỷ đồng và số trả nợ gốc của 11 địa phương dùng nguồn thu ngân sách để trả nợ là 402,7 tỷ đồng.

Phụ lục II

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2027

(Kèm theo Nghị quyết số 48/2026/QH16 ngày 09 tháng 11 năm 2026 của Quốc hội)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM 2027
A	B	1
	TỔNG THU NSNN	**3.334.338**
I	**Thu nội địa**	**2.949.559**
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	243.208
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	448.600
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	749.262
4	Thuế thu nhập cá nhân	243.659
5	Thuế bảo vệ môi trường	46.408
6	Các loại phí, lệ phí	134.792
	Trong đó: Lệ phí trước bạ	*56.984*
7	Các khoản thu về nhà, đất	775.279
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp	*4*
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	*4.186*
	- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	*101.699*
	- Thu tiền sử dụng đất	*666.854*
	- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	*2.536*
8	Thu từ hoạt động xổ số	67.430
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện; thu tiền sử dụng khu vực biển	13.226
10	Thu khác ngân sách	78.220
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	1.007
12	Thu từ cơ cấu vốn nhà nước tại doanh nghiệp, chuyển đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước	148.468
II	**Thu từ dầu thô**	**52.000**
III	**Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu**	**531.000**
	- Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	*414.103*
	- Thuế xuất khẩu	*10.246*
	- Thuế nhập khẩu	*64.754*
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu	*39.733*
	- Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	*1.635*
	- Thu khác	*529*
IV	**Hoàn thuế giá trị gia tăng**	**-207.288**
V	**Thu viện trợ**	**9.067**

Phụ lục III

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2027

(Kèm theo Nghị quyết số 48/2026/QH16 ngày 09 tháng 11 năm 2026 của Quốc hội)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2027
A	B	1
A	**NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	
I	**Thu NSTW hưởng theo phân cấp**	**1.775.593**
1	Thu thuế, phí và các khoản thu khác	1.766.526
2	Thu từ nguồn viện trợ	9.067
II	**Tổng chi NSTW**	**2.364.411**
1	Chi NSTW theo phân cấp	1.644.301
2	Chi bổ sung cho NSĐP	720.110
	- Chi bổ sung cân đối	*408.747*
	- Chi bổ sung có mục tiêu để thực hiện các đề án, dự án, chế độ, nhiệm vụ, chính sách theo quy định	*311.362,5*
III	**Bội chi NSTW**	**588.818**
B	**NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	
I	**Tổng thu NSĐP**	**2.278.855**
1	Thu NSĐP hưởng theo phân cấp	1.558.745
2	Thu bổ sung từ NSTW	720.110
	- Thu bổ sung cân đối	*408.747*
	- Thu bổ sung có mục tiêu để thực hiện các đề án, dự án, chế độ, nhiệm vụ, chính sách theo quy định (1)	*311.362,5*
II	**Tổng chi NSĐP**	(1) **2.429.634**
1	Chi cân đối NSĐP theo phân cấp (không kể bổ sung có mục tiêu từ NSTW)	2.118.272
2	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của NSTW	311.362,5
III	**Bội chi NSĐP**	**150.779**
1	Bội chi của các địa phương có bội chi NSĐP	151.182
2	Thu NSĐP bố trí trong dự toán để trả nợ gốc	403

Ghi chú:

(1) Ngoài ra, 11 địa phương bố trí thu NSĐP để trả nợ gốc là 402,7 tỷ đồng.

Phụ lục IV

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2027

(Kèm theo Nghị quyết số 48/2026/QH16 ngày 09 tháng 11 năm 2026 của Quốc hội)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	NSNN	CHIA RA	
			NSTW	NSĐP
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NSNN	**4.073.935**	**1.955.663**	(1) **2.118.272**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**1.755.679**	(2) **757.200**	(3) **998.479**
II	**Chi dự trữ quốc gia, chi trả nợ lãi, chi viện trợ, chi cho vay**	**138.493**	**138.493**	
III	**Chi thường xuyên (bao gồm chi cải cách tiền lương)** (4)	**2.061.313**	**980.970**	**1.080.343**
	Trong đó:			
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	*554.984*	*71.140*	*483.844*
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	*71.911*	*60.000*	*11.911*
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**	**10.100**	**10.000**	**100**
V	**Dự phòng NSNN**	**108.350**	**69.000**	**39.350**

Ghi chú:

(1) Ngoài ra, 11 địa phương bố trí thu NSĐP để trả nợ gốc là 402,7 tỷ đồng.

(2) Trong đó bố trí cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số khoảng 30 nghìn tỷ đồng.

(3) Trong đó bố trí cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số khoảng 18,1 nghìn tỷ đồng.

(4) Trong đó bố trí chi cải cách tiền lương là 80,4 nghìn tỷ đồng.